

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Phạm Công Định

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2020/HNGĐ – TLST ngày 13/5/2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐ-ST ngày 16/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh ngày 19/6/1975.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 04/8/1976.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động tại Vương Quốc Anh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh và chị B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 10 năm 2001. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại Liên Bang Nga một thời gian và sinh con đầu lòng tại Nga. Đến năm 2007 anh chị về Việt Nam, năm 2009 vợ chồng sinh thêm con thứ hai, anh H tiếp tục sang Nga lao động còn chị B ở lại Việt Nam nuôi con. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị B tự ý bỏ đi nước ngoài mà không được sự

đồng ý của anh, trước khi đi nước ngoài chị B đã gửi hai con cho bà nội chăm sóc. Vợ chồng chấm dứt, không liên lạc với nhau. Anh đã từng đến gặp bố mẹ để chị B để nói chuyện, nhằm mục đích để chị B về Việt Nam vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị B không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

Về con chung : Anh và chị B có 2 con chung là cháu Nguyễn Phi A, sinh ngày 17/4/2003 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/5/2009. Hiện tại hai cháu đang ở với anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị B tại Vương Quốc Anh nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình chị B, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị B. Ông Nguyễn Thế Đ và bà Đàm Thị C là bố mẹ đẻ chị B xác định, chị B hiện lao động tại Vương Quốc Anh, ông bà không biết địa chỉ của chị B nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị B thường xuyên liên lạc về gia đình. Theo ông Đ, bà C cung cấp, anh H chị B sống không hạnh phúc, từ khi sang Vương Quốc Anh lao động chị B chưa về Việt Nam thăm gia đình lần nào, anh H có gọi điện cho chị B để về Việt Nam giải quyết ly hôn, nhưng do điều kiện nên chị B chưa về được. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị B biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Đ, bà C xác định đã thông tin cho chị B biết. Chị B có quan điểm đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung đồng ý để anh H nuôi con. Về tài sản chung chị có nguyện vọng để lại cho 2 con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Phi A và cháu Nguyễn Anh T là con chung của anh H chị B đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị B tại Vương Quốc Anh. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị B cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho gia đình chị B và niêm yết theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị Thu B tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 10 năm 2001, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, năm 2015 chị B đi Vương Quốc Anh lao động không được sự đồng ý của chồng, từ khi đi đến nay vợ chồng chấm dứt liên lạc, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, thông qua gia đình, chị B có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung, nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị Thu B có hai con chung là cháu Nguyễn Phi A, sinh ngày 17/4/2003 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/5/2009, hiện hai cháu đang ở với bố. Ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Cháu A và cháu T đều có nguyện vọng được ở với bố. Xét thực tế chị B đang ở nước ngoài hiện không có mặt tại Việt Nam, do vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, nên cần tiếp tục giao con chung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu B.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Phi A, sinh ngày 17/4/2003 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/5/2009 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

*Chị B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0002651 ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thu B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục thi hành dân sự;
- UBND xã H
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**